

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 21
PHỤ LỤC 01: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	22
PHỤ LỤC 02: BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÉ	23
PHỤ LỤC 03: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KỶ HẠN NỢ VÀ ĐẢM BẢO THANH TOÁN CỦA ĐẠI LÝ XỔ SỔ	24 - 30
PHỤ LỤC 04: BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI TRẢ HOA HỒNG ĐẠI LÝ VÀ CHI ỦY QUYỀN TRẢ THƯỜNG NĂM 2019	31 - 36
PHỤ LỤC 05: BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC NĂM 2019	37

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 - 6 Hồ Tùng Mậu, Phường 3,

Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết Lâm Đồng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CHỦ TỊCH, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Chủ tịch, Ban giám đốc và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là:

Chủ tịch

Ông Nguyễn Đức Việt Chủ tịch

Ban Giám đốc

Ông Vũ Đình Tuấn Giám đốc

Ông Đỗ Đình Hạnh Phó Giám đốc

Bà Trần Thị Diệp Thảo Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2019)

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Văn Thành Kiểm soát viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên

Ông Nguyễn Đức Việt

Ông Vũ Đình Tuấn

Chức vụ

Chủ tịch

Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT LÂM ĐỒNG

Số 4 - 6 Hồ Tùng Mậu, Phường 3,

Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 02 năm 2020

SỐ: 017/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 02 năm 2020, từ trang 05 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 18 tháng 02 năm 2019 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Phụ lục 01 - Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh (trang 22), Phụ lục 02 - Báo cáo tình hình tiêu thụ vé (trang 23), Phụ lục 03 - Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo thanh toán của đại lý xổ số (trang 24 - 30), Phụ lục 04 - Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý và chi ủy quyền trả thưởng năm 2019 (trang 31 - 36) và Phụ lục 05 - Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và quản lý tài sản nhà nước năm 2019 (trang 37) không phải là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Các phụ lục này được đính kèm với báo cáo tài chính này chỉ sử dụng cho mục đích quản trị nội bộ của Công ty.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1

Nguyễn Viết Thiệu
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4244-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		813.655.075.922	746.559.561.061
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	264.241.640.189	193.597.020.092
1. Tiền	111		39.241.640.189	48.286.170.777
2. Các khoản tương đương tiền	112		225.000.000.000	145.310.849.315
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		375.000.000.000	400.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	121	5	375.000.000.000	400.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.862.784.064	148.777.461.867
1. Phải thu khách hàng	131	6	153.512.335.193	125.554.373.253
2. Trả trước cho người bán	132		464.950.000	4.413.730.750
3. Các khoản phải thu khác	135	7	13.806.964.266	19.875.823.259
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(921.465.395)	(1.066.465.395)
IV. Hàng tồn kho	140		6.843.238.528	3.512.773.667
1. Hàng tồn kho	141	9	6.843.238.528	3.512.773.667
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		707.413.141	672.305.435
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	707.413.141	672.305.435
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		113.484.120.467	107.238.395.241
I. Tài sản cố định	220		50.812.668.193	50.587.154.669
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	22.305.026.769	21.473.434.440
- Nguyên giá	222		37.405.773.396	34.584.752.305
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.100.746.627)	(13.111.317.865)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	28.507.641.424	29.113.720.229
- Nguyên giá	228		32.105.771.626	32.105.771.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.598.130.202)	(2.992.051.397)
II. Tài sản dở dang dài hạn	250		13.270.963.964	5.601.839.146
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	13.270.963.964	5.601.839.146
III. Tài sản dài hạn khác	260		49.400.488.310	51.049.401.426
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	49.400.488.310	51.049.401.426
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		927.139.196.389	853.797.956.302

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		647.139.196.389	573.797.956.302
I. Nợ ngắn hạn	310		603.312.976.603	538.279.907.610
1. Phải trả người bán	312		-	95.262.094
2. Người mua trả tiền trước	313		30.300.302	1.150.081
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	478.323.176.008	439.025.226.234
4. Phải trả người lao động	315		13.016.511.907	11.305.930.839
5. Doanh thu chưa thực hiện	318		63.636.363	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	1.784.648.478	857.057.677
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.078.450.675	6.245.733.675
8. Dự phòng rủi ro trả thưởng	321	16	104.016.252.870	80.749.547.010
II. Nợ dài hạn	330		43.826.219.786	35.518.048.692
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		43.826.219.786	35.518.048.692
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		280.000.000.000	280.000.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	280.000.000.000	280.000.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		927.139.196.389	853.797.956.302

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý	442.069.819	442.069.819
2. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp (VND)	256.272.096.888	218.704.586.753


Nguyễn Thị Thanh Hiện
Người lập biểu


Trần Thị Diệp Thảo
Kế toán trưởng


Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		3.152.924.592.259	2.448.021.378.928
1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		3.152.007.663.694	2.446.955.970.249
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		3.091.198.936.385	2.404.009.763.644
1.1.2. Xổ số bốc	01.1.3		56.603.508.779	37.045.374.700
1.1.3 Xổ số lô tô	01.1.4		4.205.218.530	5.900.831.905
1.2 Doanh thu kinh doanh khác	01.2		916.928.565	1.065.408.679
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		411.131.434.396	319.168.170.031
2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		411.131.434.396	319.168.170.031
2.1.1 Xổ số truyền thống	02.1.1		403.199.861.268	313.566.490.909
2.1.2. Xổ số bốc	02.1.3		7.383.066.362	4.832.005.396
2.1.3 Xổ số lô tô	02.1.4		548.506.766	769.673.726
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	18	2.741.793.157.863	2.128.853.208.897
3.1 Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		2.740.876.229.298	2.127.787.800.218
3.1.1 Xổ số truyền thống	10.1.1		2.687.999.075.117	2.090.443.272.735
3.1.2 Xổ số bốc	10.1.3		49.220.442.417	32.213.369.304
3.1.3 Xổ số lô tô	10.1.4		3.656.711.764	5.131.158.179
3.2 Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		916.928.565	1.065.408.679
4. Chi phí kinh doanh	11	19	2.302.529.246.365	1.723.955.554.620
4.1 Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		2.302.529.246.365	1.723.955.554.620
4.1.1 Chi phí trả thưởng	11.1.1		1.673.724.848.380	1.229.820.886.720
4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		628.804.397.985	494.134.667.900
5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		439.263.911.498	404.897.654.277
5.1 Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		438.346.982.933	403.832.245.598
5.2 Lợi nhuận gộp kinh doanh khác	20.2		916.928.565	1.065.408.679
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	23.340.134.636	23.691.058.073
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	35.798.029.230	34.379.999.950
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 26)	30		426.806.016.904	394.208.712.400
9. Thu nhập khác	31		139.536.364	130.136.363
10. Chi phí khác	32		1.191.020.243	130.136.363
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.051.483.879)	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		425.754.533.025	394.208.712.400
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	82.891.978.383	76.476.490.206
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		342.862.554.642	317.732.222.194


Nguyễn Thị Thanh Hiện
Người lập biểu


Trần Thị Diệp Thảo
Kế toán trưởng


Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Theo phương pháp trực tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.192.926.670.650	3.013.681.749.760
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(900.582.237.211)	(1.971.538.965.884)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.701.958.122)	(30.078.461.392)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(77.089.426.076)	(30.907.188.239)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	23.012.231.067	7.451.049.065
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(858.894.191.253)	(646.841.382.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	341.671.089.055	341.766.801.010
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(6.477.915.159)	(5.153.606.363)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(410.000.000.000)	(445.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	435.000.000.000	255.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.598.406.896	21.316.095.211
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.120.491.737	(173.837.511.152)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(300.146.960.695)	(206.905.805.089)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(300.146.960.695)	(206.905.805.089)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	70.644.620.097	(38.976.515.231)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	193.597.020.092	232.573.535.323
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	264.241.640.189	193.597.020.092


Nguyễn Thị Thanh Hiện
Người lập biểu


Trần Thị Diệp Thảo
Kế toán trưởng


Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định 687/UB-TC ngày 24 tháng 10 năm 1992 và được chuyển đổi sang Công ty TNHH MTV theo quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2005 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4204000007 được cấp lần đầu ngày 16 tháng 8 năm 2015 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 số 5800000230 ngày 04 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 103 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 102 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc; Dịch vụ cho thuê văn phòng.

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết trong việc lập báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty xổ số kiến thiết trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước: Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Các khoản chi phí trả trước khác: bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí mua bảo hiểm, ... được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Nợ phải trả (Tiếp theo)**

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Dự phòng rủi ro trả thưởng

Dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập hàng năm tính vào chi phí phát hành xổ số dùng để làm nguồn chi trả thưởng trong trường hợp tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam tối đa không được vượt quá 03% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong năm vượt giới hạn quy định này thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số truyền thống, xổ số lô tô, xổ số cao biết kết quả ngay và xổ số bốc biết kết quả ngay.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí trả thưởng

Đối với các loại hình xổ số truyền thống, lô tô thủ công: Chi phí trả thưởng là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật.

Do đặc thù của nghiệp vụ kinh doanh xổ số, chi phí trả thưởng được ghi nhận tại thời điểm thực chi, nhưng thời hạn có hiệu lực của các vé số trúng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày mở thưởng cho nên chi phí trả thưởng có thể được ghi nhận vào niên độ kế toán tiếp theo không cùng với niên độ ghi nhận doanh thu.

Chi phí hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số

Mức chi hoa hồng đại lý cụ thể do doanh nghiệp kinh doanh xổ số quyết định trong từng thời kỳ nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 15% doanh thu bán vé xổ số có thuế của doanh nghiệp (giá trị vé xổ số đã bán). Mức chi hoa hồng đại lý được ghi cụ thể tại hợp đồng đại lý xổ số được ký giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đại lý xổ số;

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng đại lý với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bên liên quan

Chủ tịch và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.414.019.880	2.074.222.714
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.827.620.309	46.211.948.063
Các khoản tương đương tiền	225.000.000.000	145.310.849.315
Cộng	264.241.640.189	193.597.020.092

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	375.000.000.000	375.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trần Văn Sang	11.023.775.701	8.495.942.880
Thái Phước Đại	5.181.209.000	5.990.255.281
Mai Hữu Ánh	6.388.425.700	4.870.339.960
Hà Thị Thùy Trang	7.377.567.333	4.670.366.256
Bùi Văn Nghĩa	4.716.157.347	4.503.007.047
Các đại lý khác	118.825.200.112	97.024.461.829
Cộng	153.512.335.193	125.554.373.253

7. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải thu trạm Thành phố Hồ Chí Minh (*)	51.890.923	4.557.194.565
Phải thu trạm Cần Thơ (*)	661.223.273	7.307.121.272
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.637.808.219	6.564.321.013
Các khoản phải thu khác	456.041.851	1.447.186.409
Cộng	13.806.964.266	19.875.823.259

(*) Đây là khoản tiền mặt Công ty ứng cho các trạm để thực hiện việc chi trả vé số trúng thưởng cho khách hàng và khoản tiền thu được từ đại lý về việc bán vé xổ số.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Nguyễn Văn Quý	835.570.645	-	980.570.645	-
Nguyễn Đài Trung	85.894.750	-	85.894.750	-
Cộng	921.465.395	-	1.066.465.395	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ dụng cụ	937.959.970	-	244.852.901	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.269.614.558	-	40.680.000	-
Vé xổ số truyền thống	4.451.040.000	-	3.099.600.000	-
Vé xổ số bốc	184.624.000	-	126.315.766	-
Vé xổ số lô tô	-	-	1.325.000	-
	6.843.238.528	-	3.512.773.667	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	707.413.141	672.305.435
Chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên	536.361.814	448.658.220
Các khoản khác	171.051.327	223.647.215
	49.400.488.310	51.049.401.426
b) Dài hạn	48.909.653.494	50.137.250.624
Tiền thuê đất trả trước	48.909.653.494	50.137.250.624
Các khoản khác	490.834.816	912.150.802
Cộng	50.107.901.451	51.721.706.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	22.477.034.753	5.382.466.857	5.888.391.986	836.858.709	34.584.752.305
Tăng do mua sắm	39.656.364	64.909.091	825.550.636	-	930.116.091
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.906.905.000	-	-	1.906.905.000
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(16.000.000)	-	-	(16.000.000)
Số cuối năm	22.516.691.117	7.338.280.948	6.713.942.622	836.858.709	37.405.773.396
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	6.311.180.770	2.838.872.188	3.312.103.338	649.161.569	13.111.317.865
Khấu hao trong năm	863.644.992	530.467.532	544.531.477	66.784.761	2.005.428.762
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	(16.000.000)	-	-	(16.000.000)
Số cuối năm	7.174.825.762	3.353.339.720	3.856.634.815	715.946.330	15.100.746.627
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	16.165.853.983	2.543.594.669	2.576.288.648	187.697.140	21.473.434.440
Tại ngày cuối năm	15.341.865.355	3.984.941.228	2.857.307.807	120.912.379	22.305.026.769

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2019 là 2.453.913.791 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.350.269.815 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	31.436.475.026	669.296.600	32.105.771.626
Số cuối năm	31.436.475.026	669.296.600	32.105.771.626
HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số đầu năm	2.375.516.684	616.534.713	2.992.051.397
Khấu hao trong năm	576.412.138	29.666.667	606.078.805
Số cuối năm	2.951.928.822	646.201.380	3.598.130.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	29.060.958.342	52.761.887	29.113.720.229
Tại ngày cuối năm	28.484.546.204	23.095.220	28.507.641.424

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí xây dựng văn phòng tại số 242 Ter Nguyễn Đình Chiều, Thành phố Hồ Chí Minh	13.270.963.964	5.601.839.146
Cộng	13.270.963.964	5.601.839.146

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	24.591.905.431	309.599.486.058	302.028.927.784	32.162.463.705
Thuế tiêu thụ đặc biệt	32.492.899.213	411.131.434.396	400.725.414.425	42.898.919.184
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.595.214.188	83.685.769.373	77.089.426.076	81.191.557.485
Thuế thu nhập cá nhân	10.012.596.580	116.017.608.938	123.800.677.353	2.229.528.165
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	6.271.020	6.271.020	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế phải nộp về NSNN	297.332.610.822	322.655.057.342	300.146.960.695	319.840.707.469
	439.025.226.234	1.243.098.627.127	1.203.800.677.353	478.323.176.008

15. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	696.457.259	694.701.536
Mặt bằng quảng cáo	781.800.000	-
Phải trả khác	306.391.219	162.356.141
Cộng	1.784.648.478	857.057.677

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng rủi ro trả thưởng đầu năm	80.749.547.010	66.432.775.500
Trích lập bổ sung trong năm	23.266.705.860	14.316.771.510
Dự phòng rủi ro trả thưởng cuối năm	104.016.252.870	80.749.547.010

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	280.000.000.000	-	280.000.000.000
Lãi trong năm	-	317.732.222.194	317.732.222.194
Trích lập các quỹ	-	(20.399.611.372)	(20.399.611.372)
Nộp lợi nhuận còn lại về NSNN	-	(297.332.610.822)	(297.332.610.822)
Số dư đầu năm nay	280.000.000.000	-	280.000.000.000
Lãi trong năm	-	342.862.554.642	342.862.554.642
Trích lập các quỹ (*)	-	(23.021.847.173)	(23.021.847.173)
Nộp lợi nhuận còn lại về NSNN	-	(319.840.707.469)	(319.840.707.469)
Số dư cuối năm nay	280.000.000.000	-	280.000.000.000

(*) Công ty thực hiện trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, cụ thể như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10.203.500.000 VND;
- Trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ: 12.818.347.173 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 04 tháng 5 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 280.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND		VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	280.000.000.000	100%	280.000.000.000	280.000.000.000
Cộng	280.000.000.000	100%	280.000.000.000	280.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU THUẦN**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thông	3.091.198.936.385	2.404.009.763.644
Doanh thu kinh doanh xổ số bốc	56.603.508.779	37.045.374.700
Doanh thu kinh doanh xổ số lô tô	4.205.218.530	5.900.831.905
Doanh thu khác	916.928.565	1.065.408.679
	3.152.924.592.259	2.448.021.378.928
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số truyền thông	403.199.861.268	313.566.490.909
Thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số bốc	7.383.066.362	4.832.005.396
Thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số lô tô	548.506.766	769.673.726
	411.131.434.396	319.168.170.031
Doanh thu thuần	2.741.793.157.863	2.128.853.208.897

19. CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí trả thưởng	1.673.724.848.380	1.229.820.886.720
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	628.804.397.985	494.134.667.900
Cộng	2.302.529.246.365	1.723.955.554.620

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	23.340.134.636	23.691.058.073
	23.340.134.636	23.691.058.073

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.120.942.279	3.445.452.834
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.783.161.881	1.671.259.318
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.559.463.068	2.443.630.274
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.611.507.567	2.700.609.245
Thuế, phí, và lệ phí	240.167.563	271.625.975
Chi phí dự phòng	(145.000.000)	694.571.194
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.000.386.441	1.784.680.514
Chi phí khác bằng tiền	22.627.400.431	21.368.170.596
Cộng	35.798.029.230	34.379.999.950

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.342.624.949	4.114.889.592
Chi phí nhân công	4.120.942.279	3.445.452.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.611.507.567	2.700.609.245
Chi phí trực tiếp phát hành	628.804.397.985	494.134.667.900
Chi phí trả thưởng	1.673.724.848.380	1.229.820.886.720
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.000.386.441	1.784.680.514
Chi phí khác bằng tiền	22.867.567.994	22.334.367.765
Cộng	2.338.472.275.595	1.758.335.554.570

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	425.754.533.025	394.208.712.400
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(11.294.641.112)	(11.826.261.372)
Trừ: Trích quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ	(12.818.347.173)	(11.826.261.372)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.523.706.061	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	414.459.891.913	382.382.451.028
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	82.891.978.383	76.476.490.206

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Chủ tịch và Ban điều hành được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Chủ tịch và Ban Giám đốc	3.988.000.000	3.322.800.000
	3.988.000.000	3.322.800.000

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.


Nguyễn Thị Thanh Hiện
Người lập biểu


Trần Thị Diệp Thảo
Kế toán trưởng


Vũ Đình Tuấn
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2020

